



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LIÊN VAN VÔ
Last Middle First

Current Address: 209/42 TON-THAT-THUYET - F3-Q4 - TP - H-CM

Date of Birth: 19-7-1933 Place of Birth: NGHE-AN

Previous Occupation (before 1975) Trung Tá Không quân
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1-4-1975 To 26-5-1982
Years: 7 Months: 1 Days: 26

3. SPONSOR'S NAME: VU-THI-THIEN
Name

MIAMI FLA 33150
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
1, <u>VU-THI-THIEN</u> <u>MIAMI FLA 33150</u>	<u>Chị họ</u>
2, <u>VU-THI-MY-LINH</u>	<u>Con</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : VỖ - VĂN - LIÊN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1, NGUYEN-THỊ-NHÀ ¹²	1926	vợ
2, VỖ-THANH-LỊCH	1962	con
3, VỖ-THỊ-BÍCH-LIÊN ¹²	1964	con
4, VỖ-THỊ-HỒNG-LOAN	1965	con
5, VỖ-THỊ-KIM-PHIƯƠNG	1967	con
6, VỖ-THỊ-CHÂU-KỶ	1975	con
7, HOÀNG-CÔNG-ĐÌNH	1960	Re ¹²

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

753-31.5.82

BỘ NỘI VỤ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRẠI OAI TẠO TỈNH LÃNH
Số 539/GS.R.T. 31 tháng 5 năm 1982

Kể từ ngày đến tỉnh diện 8623

Căn cứ chỉ thị số: 316/TTC ngày 22/8/77; Thông tư số 220/TTC ngày 14/4/78 và thông tư số: 240/TTC ngày 9/3/80 của Thủ Tướng Chính phủ về việc xét tha đối với những binh lính, sĩ quan, quân nhân quốc gia và các tổ chức chính trị đang phải phân động ở địa phương, hiện đang học tập giáo dục tại trại.

Căn cứ thông tư số 1585 Bộ Quốc Phòng và số 100/TTC ngày 2/11/77, hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan, quân nhân quốc gia và đang phải phân động ở địa phương học tập tại trại.

Thi hành Quyết định số: 67/H ngày 23 tháng 5 năm 1982 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam là như sau:

HAY CẤP CỨU RA TRẠI

Họ và tên: Võ Văn Liên
Bí danh:
Sinh năm: 1933
Đang phân: 209/HV Côn Chết Chuyết TP HỒ CHÍ MINH
Cán bộ: Trung y tá chuyên môn không quân
Ngày bắt: 30-3-75
Đã phát: VTU

Khi về địa phương phải trực tiếp trình bày ý kiến với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: 03 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương trong thời gian: 12 tháng kể từ ngày trình bày này và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

Thời gian đi đường: 7 ngày, kể từ ngày ký giấy này, tiền và lương chưa trả cấp: Xong...

Họ tên và chữ ký của người cấp giấy

Handwritten signature

Võ Văn Liên

Số: 26 tháng 5 năm 1982
Trưởng quản lý phòng
Quản trị Lính
Trưởng Trại



Handwritten signature over the stamp

539

4) Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

G. R. T.

31 5-1
A2 Chang

R A T R L I

Kể từ ngày đến trính diện
8623.

8623

8623.
Căn cứ chỉ thị số: 316/TG ngày 22/8/77; Thông tư số 220/TG ngày 14/4/78 và thông tư số: 240/TG ngày 9/3/80 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét tha đổi với người bình lính, bị quan đậy quân tặc quyền và các tổ chức chính trị đảng phái phản động của chủ lực của hiện đang tập giáo dục tại tặc.

tập giáo dục các tạo.

Căn cứ thông tư L. 88/50 Quốc Phòng - Nội vụ số 204/T. 16 Ngày 2/11/77, hướng dẫn thi hành chế độ sách vở và sổ quản ngày quản bộ quyền và đang phát phân động hiện đang học tập các tạo.

Đã được số 624 Ngày 22 Tháng 5 Năm 1982 của Ủy

Thị trấn Quyết Định số: 674 Ngày 3 Tháng 5 năm 1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng.

RAY CIP C T T R A T R A I C

Võ Văn Lien

B4 Danh

HO-1-10

Sinh rđm

Trúquap

Đang phải

Can to:

ngày bắt

1933

၆။ အထွေထွေ

Pin. Don

Chloroform

209/H2 Con Chất Chạy. TP Hồ Chí Minh

Turn of the Indian legend has no question

30-3-75

an. phicta

8718

Khi về địa phương làm trực tiếp công tác gây dựng Ủy Ban Nhân dân

Khi về địa phương tại trú sở địa phương và công an xã, Phường: 03 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh và làm
chịu sự quản chế của chính quyền địa phương trong thời gian: 12 tháng
kể từ ngày trình giấy này và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhà
Đã Tỉnh, Thành về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

Thời gian đi đường : 7 ngày, kể từ ngày khởi hành này, đến và lương
 của tôi cấp : Không... Ngày 26 tháng 5 Năm 1960

Ho tên và chữ ký

người cấp giấy

Handa

Võ Văn Liên

Ngày 26 tháng 5 năm 1962

Tên Trạng quản lý phụ:

Điền tên L'ông

Prüfung **13.11.2011**



7-2-20

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 5 năm 1982

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ Chỉ thị số : 316/TTg ngày 22-8-1977, Thông tư số 220/ TTg ngày 11-4-1978 và Thông tư số : 240/TTg ngày 9-8-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét tha và gia hạn TTGDCT đối với những binh lính, sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và các tổ chức chính trị đảng phái phản động của chế độ cũ.

- Căn cứ Thông tư Liên bộ Quốc phòng - Nội vụ số : 07/TT/LB ngày 02 tháng 11 năm 1977, hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan ngụy quân, ngụy quyền và đảng phái phản động hiện đang học tập cải tạo.

- Theo đề nghị của Ông Giám đốc Công an Quảng nam-Đà Nẵng và sau khi được Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt

Q U Y Ế T Đ Ị N H

Điều I : Ra lệnh phóng thích

- Họ và tên : Nguyễn Văn Liên
- Ngày, tháng, năm sinh : 1933
- Sinh quán : Phước Mỹ, Phước Thiện
- Trú quán : 209/142 Tôn Thất Phúc, Quận 24 TP HCM
- Can tội : Tang gia huân lương, thông tin
- Bị bắt ngày : 20/3/75

Điều II : Dương sự được tha về

209/142 Tôn Thất Phúc
24 TP HCM

và phải chịu quản chế trong thời gian 12 tháng. Sau thời gian quản chế dương sự sẽ được nhân dân và chính quyền địa phương xét trả quyền công dân, nếu đã thật sự tiếp thu cải tạo tốt.

Điều III : Ông Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng nam-Đà Nẵng Ông Giám đốc Công an Quảng nam-Đà Nẵng và dương sự có tên nói trên chịu theo trách nhiệm của mình thi hành Quyết định này.

Q. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM-ĐÀ NẴNG

NƠI NHẬN :

- Ty Công an QN-ĐN
- Trại cải tạo

" để thi hành"

- Dương sự đề trình với UBND và C.A xã, phường nơi cư trú biết
- Lưu Văn phòng UBND tỉnh.

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 5 năm 1982

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ Chỉ thị số : 316/TTg ngày 22-8-1977, Thông tư số 220/ TTg ngày 14-4-1978 và Thông tư số : 240/TTg ngày 9-8-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét tha và gia hạn TTGDCT đối với những binh lính, sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và các tổ chức chính trị đảng phái phản động của chế độ cũ.

- Căn cứ Thông tư Liên bộ Quốc phòng - Nội vụ số : 07/TT/LB ngày 02 tháng 11 năm 1977, hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan ngụy quân, ngụy quyền và đảng phái phản động hiện đang học tập cải tạo.

- Theo đề nghị của Ông Giám đốc Công an Quảng nam-Đà Nẵng và sau khi được Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I : Ra lệnh phóng thích

- Họ và tên :

- Ngày, tháng, năm sinh :

- Sinh quán :

- Trú quán :

- Căn tội :

- Bị bắt ngày :

Điều II : Đường sự được tha về

và phải chịu quản chế trong thời gian 12 tháng. Sau thời gian quản chế đường sự sẽ được nhân dân và chính quyền địa phương xét trả quyền công dân, nếu đã thật sự tiếp thu cải tạo tốt.

Điều III : Ông Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng nam-Đà Nẵng Ông Giám đốc Công an Quảng nam-Đà Nẵng và đường sự có tên nói trên chịu theo trách nhiệm của mình thi hành Quyết định này.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3. Quận 4

CHỦ NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 3. Q4

Ngày 14 tháng 03 năm 1982

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM-ĐÀ NẴNG

NƠI NH

- Ty Công

- Trại cai



"da bin hinh"

Trần Chí Ngà

- Đường sự đề trình với UBND và C.A

xã, phường nơi cư trú biết.

- Lưu Văn phòng UBND tỉnh.

省
府
縣
鄉
村

Ngô Liêm
Vinh
2^e Quastier

ACTE V

ISSANCE

GIẤY KHAI SANH

生詞



Tên họ đứa con nít 小兒之姓名	Đo ² Văn Liên
Nam, nữ 男, 女	garçon
Sanh tại chỗ nào 生在何處所	Hôpital Vinh
Sanh ngày nào 生何日	le dix neuf juillet mil unf cent trente trois
Tên họ cha, (như con sanh không lễ cưới thời phải kê tên họ mẹ mà thôi, nhưng khi nào cha nhìn đứa con, thời tên họ cha phải kê vào)	Đo ² Xuyên
小兒父之姓名(凡小兒之 父母配合無有婚禮者只 開母之姓名如其父聽 小兒則開父之姓名)	
Cha làm nghề gì 父之職業	infirmier Vinh, N ^o matricule 655.
Nhà cửa ở đâu 家居何所	Cửa - lo -
Tên họ mẹ 小兒母之姓名	Nguyễn Thị Trà
Mẹ làm nghề gì 母之職業	sans profession
Nhà cửa ở đâu 家居何所	Cửa - lo -
Vợ chánh, hay vợ thứ mấy 正室或側室	Légitime de 1 ^{er} rang

Lê chữ đề mà lược biên án
tòa sửa giấy khai sanh lại, hoặc
đề biên các cước chú khác.

編外留餘空款便登諸案
應改定開生詞或各別註

Lê chừa đề mà lược biên án
của sửa giấy khai sanh tại, hoặc
để biên các cước chủ khác.

留外留餘空款便登著案
座改定開生詞或各別註

Tên họ 開人姓名	Angèle Chau
Mấy tuổi 年庚	Vingt sept ans
Làm nghề gì 事何藝業	Sage-femme
Nhà cửa ở đâu 家居何所	à Vinh

Tại Vinh ngày Vingt tháng juillet năm 1933
在 日 月 年

ANNULE

Người khai

Tri-bộ

開人
Signé Angèle Chau

知部
Signé Phammythanh

Khoảng trống đề chuẩn y các chỗ sửa trong tờ khai
留餘空款便著聽候處改各字

Vu pour légalisation de la
signature de M. Phammythanh
Chef du 2^e quartier apposée
ci-contre:
Vinh, le 8 Décembre 1933
P. le Résident Maire et
par délegation:
L'Adjoint, Adjoint,

Ou pour légalisation de la
signature de Phammythanh
Chef du 2^e quartier
Opposée ci-contre
Vinh le 8 décembre 1933.
Le chef du 2^e quartier

Pour extrait
conforme à
l'original
Le Cui-lô



Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới phải kéo một nét.

知一係空款無有寫及宜自畫畫畫

省
府
縣
X
社

Nghĩa An
Vinh
2^e quartier

ACTE V

ISSANCE

GIẤY KHAI SANH

生 詞



Tên họ đứa con nít 小兒之姓名	<i>Đo² Văn Liên</i>
Nam, nữ 男, 女	<i>garçon</i>
Sanh tại chỗ nào 生在何處所	<i>Hôpital Vinh</i>
Sanh ngày nào 生何日	<i>Le dix neuf juillet mil unf cent trente trois</i>
Tên họ cha, (như con sanh không lễ cưới thời phải kê tên họ mẹ mà thôi, nhưng khi nào cha nhin đưa con, thời tên họ cha phải kê vào)	<i>Đo² Huyền</i>
小兒父之姓名(凡小兒之 父母配合無有婚禮者只 開母之姓名如其父聽 小兒則開父之姓名)	
Cha làm nghề gì 父之職業	<i>infirmier Vinh, n^o matricule 655.</i>
Nhà cửa ở đâu 家居何所	<i>Cửa - lo -</i>
Tên họ mẹ 小兒母之姓名	<i>Nguyễn Thị Trà</i>
Mẹ làm nghề gì 母之職業	<i>Sans profession</i>
Nhà cửa ở đâu 家居何所	<i>Cửa - lo -</i>
Vợ chánh, hay vợ thứ mấy 正室或側室	<i>Légitime de 1^{er} rang</i>

Lễ chừa đề mà lược biên án
tòa sửa giấy khai sanh lại, hoặc
đề biên các cước chú khác.

編外留錄空款便登著案
呈承定開生詞或各別註

Lê chừa để mà lược biên án
của sửa giấy khai sanh tại, hoặc
để biên các cước chủ khác.

外留餘空款便登著案
應改定開生詞或各別註

Tên họ 開人姓名	Angèle Chau
Mấy tuổi 年庚	Vingt sept ans
Làm nghề gì 事何藝業	Sage-femme
Nhà cửa ở đâu 家居何所	à Vinh

Tại Vinh ngày Vingt tháng juillet năm 1933
在 日 月 年

ANNULE

Người khai

Tri-bộ

開人
Signé Angèle Chau

知部
Signé Phammy Thanh

Khoảng trống để chuẩn y các chỗ sửa trong tờ khai
留餘空款便著聽依塗改各字

Vu pour légalisation de la
signature de M. Phammy Thanh
Chef du 2^e quartier apposée
ci-contre:
Vinh, le 9 Décembre 1933
P. le Résident Maire et
par délegation:
L'Administ^r Adjoint,

Ou pour légalisation de la
signature de Phammy Thanh
Chef du 2^e quartier
Opposée ci-contre
Vinh le 8 Décembre 1933.
Le Chef du 2^e quartier

Pour écrit
conforme à
l'original
Le Chef



Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới phải kéo một nét.

知一係空款無有寫及宜自畫畫畫

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN NămSố hiệu: 261

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Cước-phí: 10\$

Tên họ người chồng VÕ VĂN LIÊN
 nghề-nghiệp quân-nhân
 sinh ngày mười chín tháng bảy năm một ngàn chín
trăm ba mươi ba tại Vinh (Trung-Phần)
 cư-sở tại Saigon, 1/78 Lữ-Gia - Quận Năm
 tạm trú tại _____

Tên họ cha chồng Võ văn Tuyên (sống)
 (sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ chồng Nguyễn thị Trà (sống)
 (sống chết phải nói)
 Tên họ người vợ NGUYỄN THỊ NHÃ
 nghề-nghiệp nội-trợ
 sinh ngày mười hai tháng chạp năm một ngàn chín
trăm hai mươi sáu tại Thạch-Trụ, Quảng-Ngai

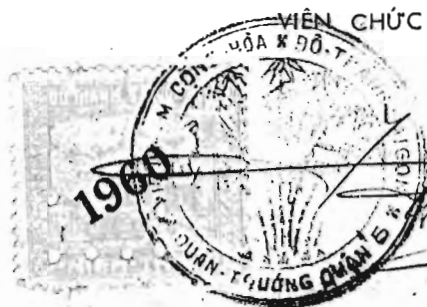
cư-sở tại Saigon, 1/78 Lữ-Gia - Quận Năm
 tạm trú tại _____
 Tên họ cha vợ Nguyễn Thuộc (sống)
 (sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ vợ Huỳnh thị Ánh (chết)
 (sống chết phải nói)
 Ngày cưới ba mươi tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu
mười.

Vợ chồng khai ~~có hay~~ không lập hôn-kế _____
 ngày _____ / _____ tháng _____ / _____ năm _____ /
 tại _____ / _____

TRÍCH Y BỔN CHÍNH,

Saigon, ngày 2 tháng 8 năm 1960

VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH, 4



Nguyễn Văn Hùng
Thủ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN Năm

Số hiệu: 261

Cước-phí: 10\$

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng VÕ VĂN LIÊN
nghề-nghiep quân-nhân
sinh ngày mười chín tháng bảy năm một ngàn chín
trăm ba mươi ba tại Vinh (Trung-Phan)
cư-sở tại Saigon, 1/78 Lữ-Gia - Quận Năm
tạm trú tại _____

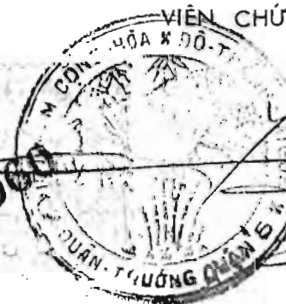
Tên họ cha chồng Võ văn Tuyên (sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Nguyễn thị Trà (sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ người vợ NGUYỄN THỊ NHÃ
nghề-nghiep nội-trợ
sinh ngày mười hai tháng chạp năm một ngàn chín
trăm hai mươi sáu tại Thạch-Trị, Quảng-Ngai

cư-sở tại Saigon, 1/78 Lữ-Gia - Quận Năm
tạm trú tại _____
Tên họ cha vợ Nguyễn Thuộc (sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Huỳnh thị Ánh (chết)
(sống chết phải nói)
Ngày cưới ba mươi tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu
mười.
Vợ chồng khai số học không lập hôn-kế _____ /
ngày _____ / _____ tháng _____ / _____ năm _____ /
tại _____ / _____

TRÍCH Y BỔN CHÍNH,

Saigon, ngày 2 tháng 8 năm 1960

VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH, 4



1960

Nguyễn Văn Hùng
Thị

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT8/P3

Xã, thị trấn: BàThị xã, quận: ĐàiThành phố, tỉnh: Hồ Chí Minh

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 44
Quyển số 01

Họ và tên Nam hay nữ	<u>VÕ VĂN LIÊN</u> (nam)
Sinh ngày, tháng, năm	<u>1933</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>209/42 Tôn Thất Thuyết Phường 3 Quận 4</u>
Ngày, tháng, năm chết Nơi chết	<u>10.10.1989</u> <u>Tại nhà</u>
Nguyên nhân chết	<u>Bệnh tim</u>
Họ, tên, tuổi người báo tử Nơi ĐKNK thường trú	<u>Võ Thanh Lịch</u>
Số giấy CM, giấy CNCC Quan hệ với người chết	<u>Con</u>

Đăng ký ngày 11 tháng 10 năm 1989TM/UBND Phường 3 Quận 4

(ký tên, đóng dấu)



TỊCH

Kính nhân

Chức đơn xin chôn xác của đ/đ

xin chôn tại Đất thánh Cầu Lộ ấp CS

Kính chuyển uỷ ban xã các kế giải quyết.

Cây Sộp 13/10/89

TM BANẤP

Ủ BANẤP

Ưng Chử

ỦY BAN NHÂN DÂN

Họ và tên	
Ngày, tháng, năm	
Dân tộc	
Quê hương	
Nơi BNKH (bường lữ)	
Ngày, tháng, năm chết	
Nơi chết	
Nguyên nhân chết	
Họ, tên, tuổi người báo tử	
Nơi BNKH thường trú	
Số giấy CM, giấy CNCC	
Quan hệ với người chết	



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT8/P3

Xã, thị trấn: BàThị xã, quận: ĐốngThành phố, tỉnh: Hà Nội

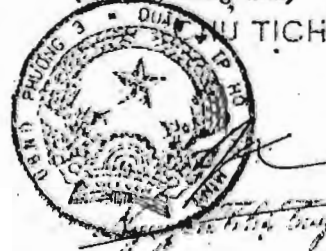
GIẤY CHỨNG TỬ

Số 44
Quyển số 01

Họ và tên Nam hay nữ	<u>VÕ VĂN LIÊN</u> (nam)
Sinh ngày, tháng, năm	<u>1933</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>209/42 Tôn Thất Thuyết Phường 3 Quận 4</u>
Ngày, tháng, năm chết Nơi chết	<u>10.10.1989</u> <u>Tại nhà</u>
Nguyên nhân chết	<u>Bệnh tim</u>
Họ, tên, tuổi người báo tử Nơi ĐKNK thường trú	<u>Võ Thanh Lịch</u>
Số giấy CM, giấy CNCC Quan hệ với người chết	<u>Con</u>

Đăng ký ngày 11 tháng 10 năm 1989.TM/UBND Phường 3 Quận 4

(ký tên, đóng dấu)



Kính nhân

Chức đơn xin chôn xác của (t)

Xin chôn tại Đất thanh Cẩn khu ấp CS

Kính chuyển ngy ban xa² cái xét giải quyết.

Cây số 13/10/89

TM BAN ẤP

Trên ban

Chữ

Trưởng thôn

Họ và tên	
Quê hương	
Ngày sinh, tháng, năm	
Dân tộc	
Quốc tịch	
Nơi BRNK thường trú	
Ngày sinh, tháng, năm chết	
Nơi chết	
Nguyên nhân chết	
Họ tên, tuổi người báo tử	
Nơi BRNK thường trú	
Số giấy CM, giấy CNCC	
Quan hệ với người chết	

Bảng kê ngày 11 tháng 10 năm 1989

TRƯỜNG

(27/10/1989)



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____ **Sài Gòn**

*

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số _____

2224

Quyền số _____

Họ và tên	Võ Thanh Lịch		Nam, nữ _____
Sinh ngày tháng, năm	3 - 6 - 1962		
Nơi sinh	Sài Gòn 48 - 52 Mã Lò		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Võ Văn Liên 29T	Nguyễn Thị Nhà 36T	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quân nhân	Nội Trợ	
Nơi ĐKKK thường trú	Sài Gòn 1/78 Q. Xá Lũ Gia Phú Thọ		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lý Kiến +25T		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

TM/UBND _____ ký tên đồng dấu

CHÁNH VĂN PHÒNG

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ) **62**



Nguyễn Văn Toàn

NGUYỄN VĂN TOÀN

50

HO TỊCH
SÀ KIỂM TRA

B

I-PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận NhứtSố liệu 2224

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM Một ngàn chín trăm sáu mươi hai (1962)

Nhà in Inh, Nhà-Viên Saigon, 4-60 DF

Tên, họ đứa nhỏ.	VÕ THANH LỊCH
Phái	Nam
Ngày sanh	Ngày ba tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, 4 giờ 05 sáng <i>h. 4.05 sáng - 2-5- Năm 1962</i>
Nơi sanh	Saigon, 46-52 đường Mã Lộ
Tên, họ người cha	Võ Văn Liên
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề-nghiệp	<i>Quân nhân (25)</i>
Nơi cư-ngụ	Saigon, 1/78 Cư xá Lũ Gia Phú Thọ
Tên, họ người mẹ	Nguyễn thị Nhỏ
Tuổi	Ba mươi sáu
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 1/78 Cư xá Lũ Gia Phú Thọ
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 4 tháng 6 năm 1962 T.Y.

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Saigon, ngày 12 tháng 6 năm 1962Quận-Trưởng, Quận Nhứt

1962



L. M. H. T. T. T.

Xã, Thị trấn

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã, Quận H
Thành phố, Tỉnh Hà Chi Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

56

Quyển số _____

[illegible]

Họ và tên	Võ thị Châu Kỳ		Nam, Nữ
Sinh ngày tháng, năm	16. 10. 1975.		
Nơi sinh	Bao. sanh. viên. Tư. Du.		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Võ Văn Liên 19. 7. 1933.	Nguyễn Thị Nhỏ 12. 12. 1928.	
Dân tộc	Việt - Nam.	Việt - Nam.	
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quân nhân.	Hộ Sĩ	
Nơi ĐKNK thường trú	209/42 Tôn Thất Thuyết	209/42 Tôn Thất Thuyết	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Nhỏ. 1928 209/42 Tôn Thất Thuyết Q.Đ.		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 05 tháng 02 năm 13

TM/UBND ĐH ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 15 tháng 07 năm 1976
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ủy viên Hội tịch
Phan Văn Mật.

ỖY-VIÊN THƠ-NÝ



10 CM
Lbunb
Lê Thanh Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã, Quận

BẢN SAO

Thành phố, Tỉnh

GIẤY KHAI SANH

Số

Quyền số

Họ và tên	Võ thị Châu Kỳ		Nam, Nữ
Sinh ngày tháng, năm	16.10.1975		
Nơi sinh	Bao. sanh viên T.Đ.		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Võ Văn Liên 19.7.1933	Nguyễn Thị Nhà 12.12.1926	
Dân tộc	Việt-Nam	Việt-Nam	
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quản nhân	Hộ gia	
Nơi ĐKNK thường trú	209/42 Tôn Thất Thuyết	209/42 Tôn Thất Thuyết	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Nhà 1926 209/42 Tôn Thất Thuyết P.Đ.		

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 03 tháng 12 năm 73

Đã ký ngày 15 tháng 07 năm 1976

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND Ông ký tên đóng dấu

Ủy viên Hội đồng

Phan Văn Mát

ỦY-VIÊN THƯ-KÝ



[Signature]

Ông Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Đĩnh Hồng
Huyện, Quận Plei Kù
Thị trấn, Thành phố Gia Lai Kontum

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT
Số
Quyển



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Hoàng Công Định Nam hay nữ nam
Ngày, tháng, năm, sinh 18.10.1960

Nơi sinh Plei Kù
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Huệ (c)</u>	<u>Hoàng Công (c)</u>
Tuổi		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Văn 17 Trần Bình Trọng Phường Dĩnh Hồng Diên
230016398

Đăng ký ngày tháng năm 19
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Nguyễn Văn 17

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày tháng năm 1989
T/M UBND
Ký, đóng dấu



Phạm Thanh Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Diên Hồng
Huyện, Quận Phước Ninh
Tỉnh, Thành phố Quảng Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/PT
Số
Quyển



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Hồng Công Định Nam hay nữ nam
Ngày, tháng, năm, sinh 18.10.1966

Nơi sinh Phước Ninh
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Huệ (c)</u>	<u>Hồng Công (c)</u>
Tuổi		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Văn 17 Trần Bình Trọng phường Diên Hồng Diên Hồng
230016298

Đăng ký ngày tháng năm 19
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Nguyễn Văn 17

Nguyễn Văn 17

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 tháng 6 năm 1989
T/M UBND
kết thúc, đóng dấu



Phạm Thanh Quang

Tên họ ấu nhi	VÕ-THỊ BÍCH-LIÊU
Phối	Nữ
Sinh ngày hai mươi lăm, tháng bảy, năm một ngàn chín (Ngày, tháng, năm)	trăm sáu mươi bốn. (25-7-1964)
Tại	Dưỡng Đường Thánh Phaolo, Đà-Nẵng
Cha (Tên họ)	VÕ-VAN-LIÊN
Tuổi	Sinh năm 1933
Nghề	Phi-Công
Cư-trú tại	K.B.C. 3.198
Mẹ (Tên họ)	NGUYỄN-THỊ-NHÃ
Tuổi	Sinh năm 1926
Nghề	Nội-trợ
Cư-trú tại	Cư-xá Thống-nhất, Đà-Nẵng
Vợ (Chính hay thứ)	Chánh
Người khai (Tên họ)	VÕ-VAN-LIÊN
Tuổi	Sinh năm 1933
Nghề	Phi-Công
Cư-trú tại	K.B.C. 3.198
Ngày khai	Ngày hai mươi lăm, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn. (25-7-1964)
Người chứng thứ nhất (Tên họ)	Giấy chứng nhận của nhà
Tuổi	Hộ-sinh Dưỡng đường Thánh
Nghề	Phaolo, Số 263 Phan-Chu-
Cư-trú tại	Trinh, Đà-Nẵng
Người chứng thứ nhì	Cấp ngày 25 tháng 7 năm 1964
(Tên họ)	
Tuổi	-nt-
Nghề	///
Cư-trú tại	///

Lập tại xã Bình-Thuận, ngày 25 tháng 7 năm 1964

Người khai
Võ-Thị-Liên

Hộ lại.

Nhân chứng

Giấy chứng nhận

PHUNG-TRICH-LUC

BÌNH THUẬN ngày 16 tháng 9 năm 1964
THỦ KÝ KIM ỦY VIÊN HỘ TỊCH

PHAM-THU-ANH

Tên họ đủ nhì	VÕ-THỊ BÍCH-LIỀU
Phái	NỮ
Sinh Ngày	hai mươi lăm, tháng bảy, năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)	trăm sáu mươi bốn. (25-7-1964)
Tại	Dưỡng Đường Thánh Phaolo, Đà-Nẵng
Cho	VÕ-VAN-LIÊN
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1933
Nghề	Phi-Công
Cư-trú tại	K.B.C. 3.I98
Mẹ	NGUYỄN-THỊ-NHÃ
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1926
Nghề	Nội-trợ
Cư-trú tại	Cư-xá Thống-nhất, Đà-Nẵng
Vợ	Chánh
(Chánh hay thứ)	
Người khai	VÕ-VAN-LIÊN
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1933
Nghề	Phi-Công
Cư-trú tại	K.B.C. 3.I98
Ngày khai	Ngày hai mươi lăm, tháng bảy, năm một ngàn
	chín trăm sáu mươi bốn. (25-7-1964)
Người chứng thứ nhất	Giấy chứng nhận của nhà
(Tên, họ)	
Tuổi	Hộ-sinh Dưỡng đường Thánh
Nghề	Phaolo, Số 263 Phan-Chu-
Cư-trú tại	Trình, Đà-Nẵng
Người chứng thứ nhì	Cấp ngày 25 tháng 7 năm 1964
(Tên, họ)	
Tuổi	-nt-
Nghề	///
Cư-trú tại	///

Lập tại xã Bình-Thuận, ngày 25 tháng 7 năm 1964

Người khai
Võ-Thị-Liên

Hộ lại.

Nhân chứng

Giấy chứng nhận

PHUNG-TRICH-LUC

BÌNH THUẬN Ngày 16. Tháng 9 năm 1964
THỦ KÝ KIM ƯU VIỆN HỒ TỊCH

P NAM-PRO-AM

VÕ - VĂN - LIÊN



NGUYỄN-THỊ-NHÀ^{AN}



VÕ-THANH-LỊCH



VÕ-THỊ-BÍCH-LIỆU^{LI}



HOÀNG-CÔNG-ĐÌNH



VÕ-THỊ-CHÁI-KỲ



VÕ-THỊ-KIM-PHƯƠNG



VỖ-THỊ-BÍCH-LIỄU
209/42 TÔN-THẮT-THUYẾT
F3-Q 4 - TP - H.C - M

APR 2 1990 APR 2 1 1990

617
617



APR 2 1990

KÍNH GỬI: BÀ KHUẾ-MINH-THO



P.O. BOX 54 35, ARLINGTON,
VA 22205 - 0635

TELEPHONE :

U.S.A

1438-447304

VỎ - VẮN - LIỀN